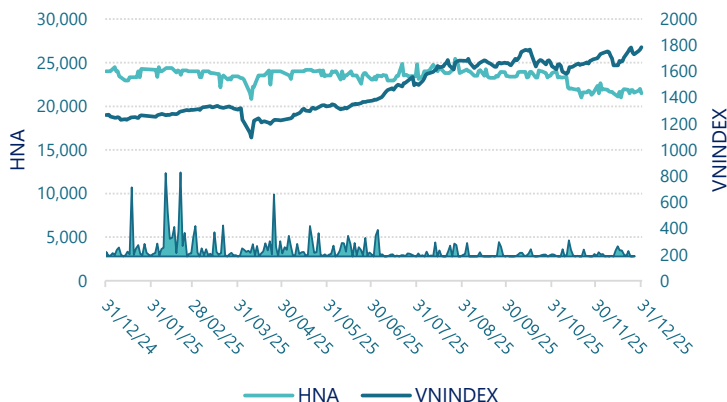




CTCP Thủy điện Hòa Na (HSX: HNA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	21,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,450
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,832
SL cổ phiếu LH	235,232,210
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,110
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,057
P/E	10.6
EPS	2,023

DT thuần

Q4/25

302

tỷ VNĐ

QoQ: ▼129 | -29.9%

YoY: ▲ 44.0 | 17.1%

LN sau thuế

Q4/25

97.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼148 | -60.4%

YoY: ▲ 4.90 | 5.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

45.9%

+/- YoY: ▲ 8.6%

DT thuần

2025

1,154

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 365 | 46.2%

LN sau thuế

2025

476

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 206 | 76.4%

ROE

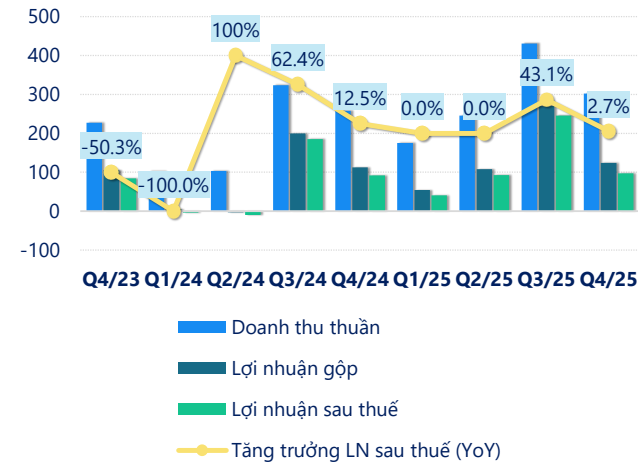
2025

14.2%

+/- YoY: ▲ 5.8%

tỷ VNĐ

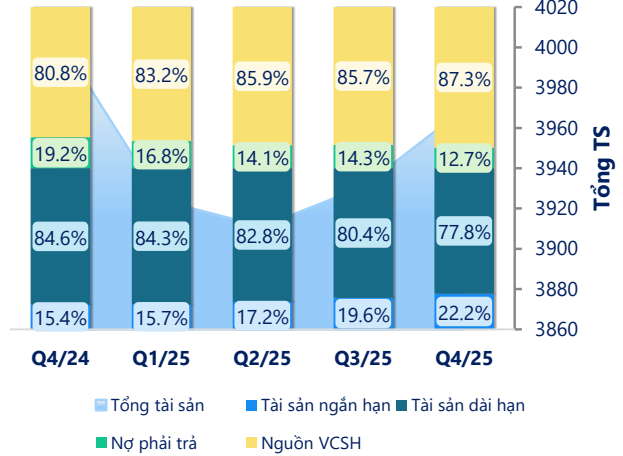
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

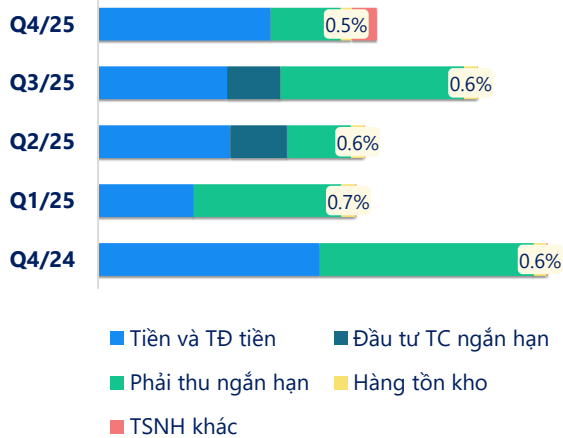
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



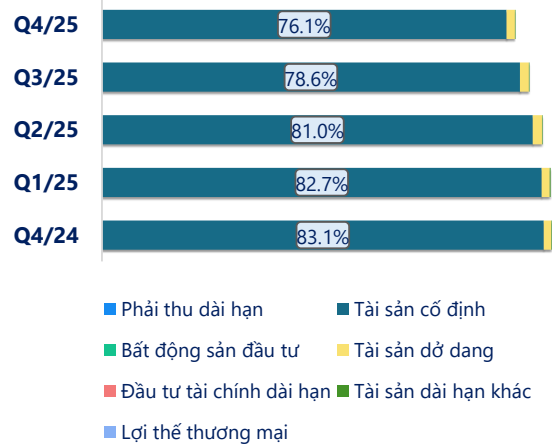
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

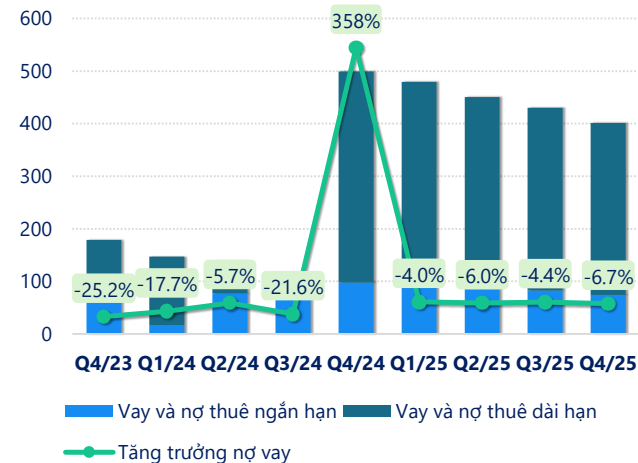
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

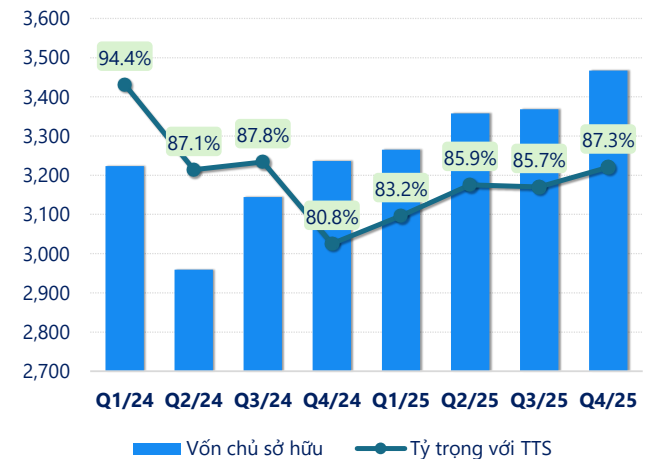
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

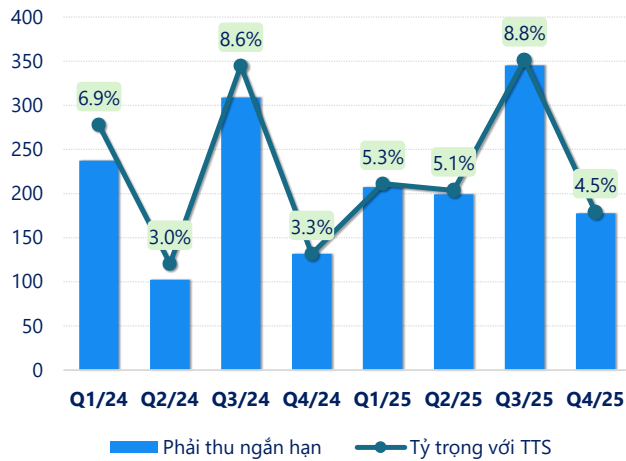
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



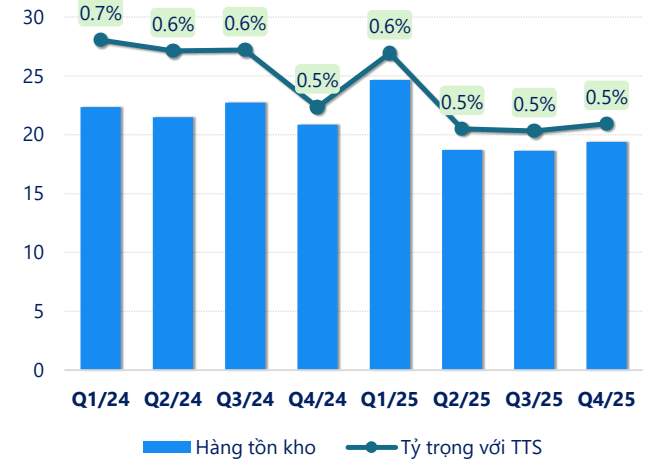
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


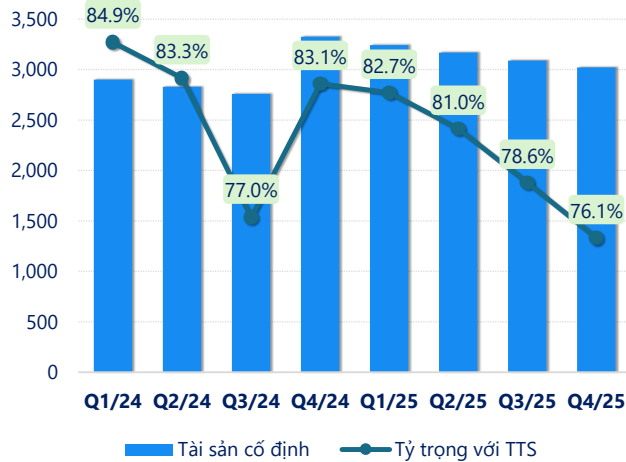
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


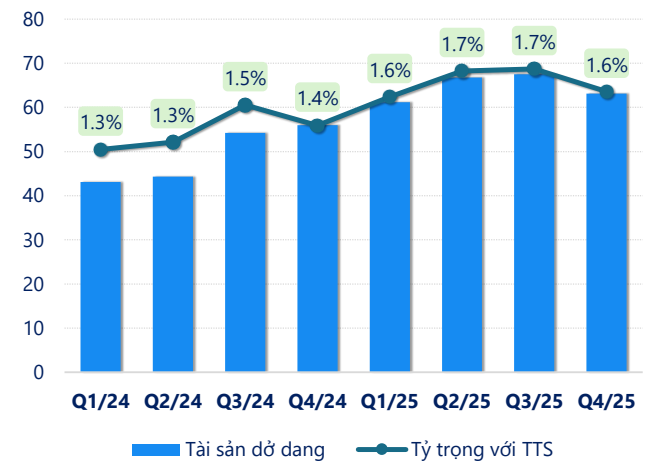
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

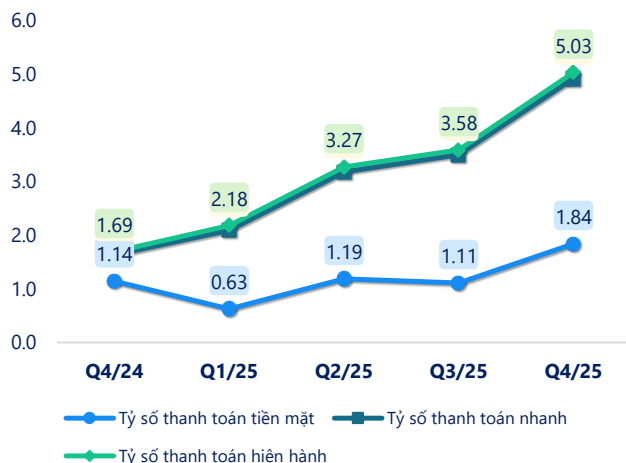
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

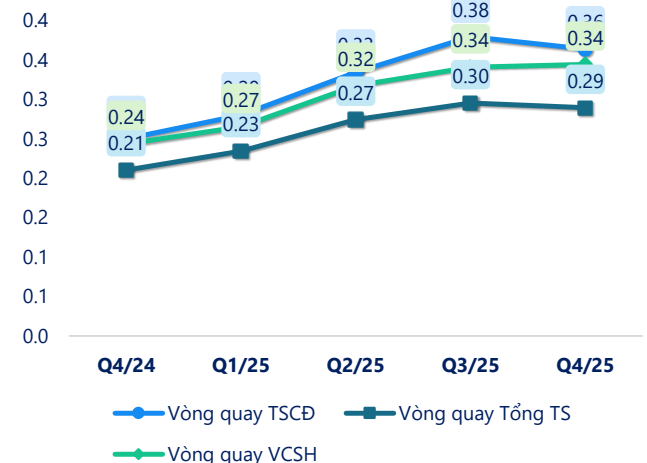
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	4,003	3,924	3,911	3,931	3,970
Tài sản ngắn hạn	617	614	671	770	881
Tiền và tương đương tiền	417	176	243	238	322
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	165	185	165	360
Phải thu ngắn hạn	132	207	199	345	178
Hàng tồn kho	20.9	24.7	18.7	18.6	19.4
Tài sản ngắn hạn khác	47.3	40.7	24.5	3.09	2.21
Tài sản dài hạn	3,386	3,310	3,240	3,161	3,088
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	3,325	3,244	3,169	3,089	3,020
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	56.0	61.2	66.8	67.5	63.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.70	4.66	3.99	3.87	4.77
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	767	659	553	563	503
Nợ ngắn hạn	365	282	205	215	175
Vay và nợ thuê ngắn hạn	97.9	103	103	82.8	74.3
Phải trả người bán ngắn hạn	198	99.0	22.6	20.7	17.0
Nợ dài hạn	402	377	348	348	327
Vay và nợ thuê dài hạn	401	376	347	347	327
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,236	3,265	3,358	3,368	3,467
Vốn chủ sở hữu	3,236	3,265	3,358	3,368	3,467
Vốn điều lệ	2,352	2,352	2,352	2,352	2,352
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)